

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT KẾT QUẢ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TIẾNG ANH BẬC 2 THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM**

Khoá thi ngày 16/05/2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVĐ ngày tháng năm 2021)

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				ĐTB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói			
1	Nguyễn Thanh	Bảo	12/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15	22	20	19	7.5	Đạt	
2	Trần Thị Thanh	Châu	11/03/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17	21	22	16	7.5	Đạt	
3	Lưu Thị	Chung	10/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15	22	22	16	7.5	Đạt	
4	Huỳnh Thị Kim	Diễm	12/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17	22	22	17	8.0	Đạt	
5	Bach Thị Âu	Điệp	10/01/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15	22	21	17	7.5	Đạt	
6	Nguyễn Văn	Đông	10/04/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15	20	19	20	7.5	Đạt	
7	Nguyễn Ngọc	Đức	23/06/1982	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16	16	21	16	7.0	Đạt	
8	Nguyễn Ngọc	Giao	22/11/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	19	16	21	16	7.0	Đạt	
9	Hồ Ngọc	Hiếu	25/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19	19	18	16	7.0	Đạt	
10	Phạm Thị Ngọc	Hoa	06/05/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	14	20	18	17	7.0	Đạt	
11	Đinh Văn	Hương	16/06/2000	Quảng Ngãi	Nam	Hre	14	17	18	18	6.5	Đạt	
12	Trần Thị	Hương	02/12/1977	Nghệ An	Nữ	Kinh	14	19	21	18	7.0	Đạt	
13	Hà Thị Vân	Kiều	12/12/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18	22	22	22	8.5	Đạt	
14	Trần Huy	Lực	26/01/1992	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15	18	22	17	7.0	Đạt	
15	Dương Thị Ngọc	Minh	06/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16	19	21	20	7.5	Đạt	
16	Nguyễn Thị Trà	My	16/04/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15	21	22	21	8.0	Đạt	

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				ĐTB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói			
17	Nguyễn Hương	Ni	02/02/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17	18	22	22	8.0	Đạt	
18	Lê Hồng	Nông	06/01/1974	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	22	23	20	16	8.0	Đạt	
19	Nguyễn Thị Xuân	Nhã	10/03/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21	21	20	18	8.0	Đạt	
20	Phạm Thị	Nhân	09/10/1971	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16	19	22	17	7.5	Đạt	
21	Đỗ Thị Ái	Nhi	25/01/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18	23	21	18	8.0	Đạt	
22	Lê Nguyễn Như	Phổ	07/07/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18	20	20	16	7.5	Đạt	
23	Nguyễn Thị	Phúc	10/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18	21	17	20	7.5	Đạt	
24	Đình Hoài	Phương	30/08/1978	Quảng Ngãi	Nam	Hre	18	19	19	20	7.5	Đạt	
25	Võ Thị Bích	Phượng	22/02/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18	18	23	19	8.0	Đạt	
26	Nguyễn Văn	Tâm	10/01/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	22	15	22	19	8.0	Đạt	
27	Hà Thị Minh	Tuyến	10/05/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19	23	23	20	8.5	Đạt	
28	Lê Thị	Tuyết	09/02/1980	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17	19	23	22	8.0	Đạt	
29	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	21/04/1971	Hải Phòng	Nữ	Kinh	20	15	22	18	7.5	Đạt	
30	Nguyễn Thị Lệ	Thi	22/12/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20	20	21	20	8.0	Đạt	
31	Phan Thị	Thu	02/11/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21	20	22	20	8.5	Đạt	
32	Nguyễn Thị Thu	Thúy	25/08/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19	20	22	22	8.5	Đạt	
33	Phạm Thị	Thụy	22/12/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	19	15	23	21	8.0	Đạt	
34	Nguyễn Quỳnh	Thư	06/05/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16	18	21	23	8.0	Đạt	
35	Nguyễn Thị Xuân	Thương	25/02/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17	23	24	23	8.5	Đạt	
36	Phạm Nguyễn Hoài	Thương	14/11/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17	19	23	17	7.5	Đạt	
37	Phan Thị Thùy	Trang	13/01/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20	17	22	18	7.5	Đạt	
38	Thới Trần Quỳnh	Trâm	10/01/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	22	19	22	22	8.5	Đạt	

TT	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				ĐTB	Kết quả	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói			
39	Nguyễn Thị Phương	Tri	09/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20	18	23	20	8.0	Đạt	
40	Phạm Văn	Trích	25/05/1980	Quảng Ngãi	Nam	Hre	17	17	19	19	7.0	Đạt	
41	Bùi Thế	Trung	10/10/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20	22	22	23	8.5	Đạt	
42	Hồ Thị	Út	16/03/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kor	19	18	23	20	8.0	Đạt	
43	Bùi Thị Bích	Vân	10/06/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	20	21	23	22	8.5	Đạt	
44	Nguyễn Quang	Vinh	28/06/1981	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	21	18	20	19	8.0	Đạt	
45	Lê Văn	Vĩnh	31/12/1971	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	16	16	23	18	7.5	Đạt	
46	Nguyễn Thị Tường	Vy	18/09/1991	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	18	20	23	19	8.0	Đạt	
47	Mai Lê Tuấn	Hoa	04/04/1994	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20	18	20	20	8.0	Đạt	

Danh sách này có: 47 thí sinh.